

**TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ TP.HCM**



**GIÁO TRÌNH
LẬP TRÌNH WEB VỚI ASP.NET**

Nghề: Công nghệ thông tin

Trình độ: Cao đẳng

*Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-... ngàytháng.... năm.....
của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ Thuật Vinatex TP. HCM*

**TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2018
LƯU HÀNH NỘI BỘ**

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ TP.HCM



GIÁO TRÌNH
LẬP TRÌNH WEB VỚI ASP.NET

Nghề: Công nghệ thông tin
Trình độ: Cao đẳng

*Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-... ngàytháng.... năm.....
của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ Thuật Vinatex TP. HCM*

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2018
LƯU HÀNH NỘI BỘ

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Lập trình web với Asp.net

Mã môn học: MH 23

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 55 giờ; Kiểm tra: 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: học sau môn Lập trình Web, Ngôn ngữ C#.
- Tính chất: môn học chuyên môn bắt buộc trong chương trình đào tạo.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
 - + Những ứng dụng Web với ASP.Net sử dụng ngôn ngữ lập trình C# kết nối với hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server trên môi trường phát triển tích hợp Visual Studio.
 - + Cách cài đặt và cấu hình Web server, đề cập đến các tính năng và điểm mạnh của ASP.Net.
 - + Những khái niệm về Web server hỗ trợ ASP.Net.
- Về kỹ năng:
 - + Cài đặt và cấu hình Web server
 - + Thiết kế, xây dựng, phát triển ứng dụng web với ASP.Net
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Người học có thái độ đúng đắn trong việc học tập, hoàn thành các bài tập.
 - + Chuyên cần, luôn có tính tỉ mỉ, chính xác.

III. Nội dung môn học:

Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ASP.NET

Bài 1

TỔNG QUAN VỀ ASP.NET

Mục tiêu:

- Trình bày các khái niệm cơ bản về HTTP và HTML.
- Trình bày được các mô hình ứng dụng.

Nội dung chương:

I. Tổng quan về lập trình ứng dụng Web

Ứng dụng Web là một hệ thống phức tạp, dựa trên nhiều yếu tố: phần cứng, phần mềm, giao thức, ngôn ngữ và thành phần giao diện. Trong phần này, chúng tôi sẽ giới thiệu sơ lược cho bạn về các thành phần cơ bản của ứng dụng Web: HTTP (giao thức trao đổi tài nguyên) và HTML (ngôn ngữ xây dựng trang web).

I.1. HTTP và HTML - Nền móng của Kỹ thuật lập trình web

I.1.1. HTTP (Hypertext Transfer Protocol)

Kỹ thuật cơ bản của lập trình ứng dụng web khởi đầu là HyperText Transfer Protocol (HTTP), đó là một giao thức cho phép các máy tính trao đổi thông tin với nhau qua mạng máy tính.

HTTP được xác định qua URLs (Uniform Resource Locators), với cấu trúc chuỗi có định dạng như sau:

<code>http: // <host> [: <port>] [<path> [? <query>]]</code>

Sau tiền tố http://, chuỗi URL sẽ chứa tên host hay địa chỉ IP của máy server (có thể có số cổng đi kèm), tiếp theo là đường dẫn dẫn đến tập tin server được yêu cầu. Tùy chọn sau cùng là tham số, còn được gọi là **query string** (chuỗi tham số/chuỗi truy vấn).

Ví dụ:

Phân tích địa chỉ `http://www.comersus.com/comersus6/store/index.asp`

Trang web `index.asp` được lưu trữ trong thư mục `/comersus6/store` tại Web Server với host là www.comersus.com

Một số thuật ngữ:

- Internet: là một hệ thống gồm nhiều máy tính ở khắp nơi trên thế giới nối lại với nhau.
- WWW: World Wide Web (mạng toàn cầu), thường được dùng khi nói về Internet
- Web Server: Máy tính lưu trữ các trang web
- Web Client: Máy tính dùng để truy cập các trang web

Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ASP.NET

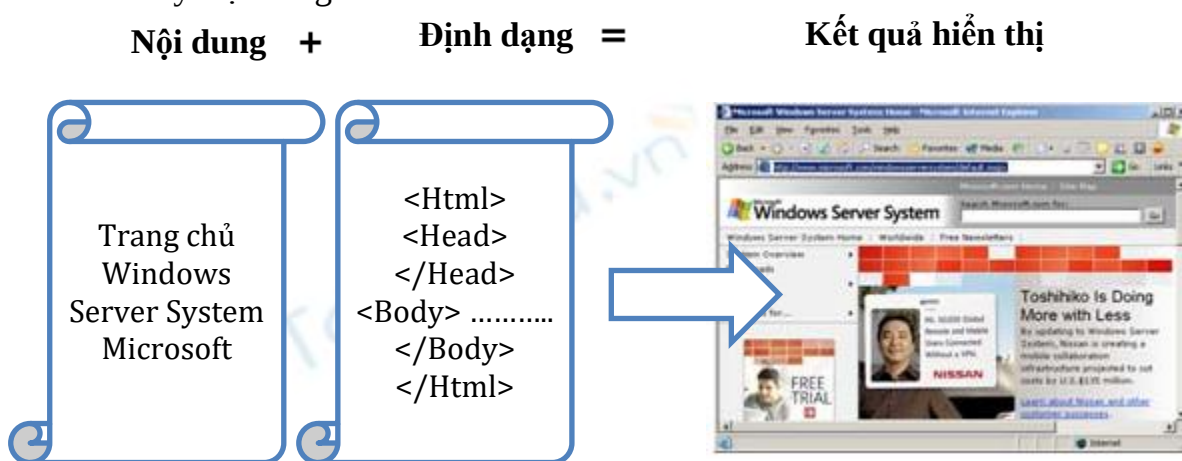
- Web Browser: Phần mềm dùng để truy cập web

Một số web browser phổ biến: Internet Explorer, Netscape Navigator, Avant Browser, Opera, ...

I.1.2. HTML (Hypertext Markup Language)

Trang web HTML là một tập tin văn bản được viết bằng ngôn ngữ HTML, ngôn ngữ này còn được biết đến với tên gọi: ngôn ngữ đánh dấu văn bản.

Ngôn ngữ đánh dấu HTML sử dụng các ký hiệu quy định sẵn (được gọi là **tag**) để trình bày nội dung văn bản.



Ví dụ: Nội dung trang web AspDotNet.htm

```
<Html>
```

```
    <Head>
```

```
    <Title>ASP.Net</Title>
```

```
    </Head>
```

```
    <Body>
```

```
    <P align="center">
```

```
        <FONT size="6">
```

```
            Chào các bạn đã đến với ASP.Net!!!
```

```
        </FONT>
```

```
    </P>
```

```
    </Body>
```

```
</Html>
```

Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ASP.NET

TaiLieu.vn

Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ASP.NET

I.2. Tìm hiểu các mô hình ứng dụng

I.2.1. Mô hình ứng dụng 2 lớp



Đây là một dạng mô hình đơn giản, khá phổ biến của một ứng dụng phân tán. Trong mô hình này, việc xử lý dữ liệu được thực hiện trên Database Server, việc nhận và hiển thị dữ liệu được thực hiện ở Client.

a. Ưu điểm

Dữ liệu tập trung => đảm bảo dữ liệu được nhất quán.

Dữ liệu được chia sẻ cho nhiều người dùng.

b. Nhược điểm

Các xử lý tra cứu và cập nhật dữ liệu được thực hiện ở Database Server, việc nhận kết quả và hiển thị phải được thực hiện ở Client => Khó khăn trong vấn đề bảo trì và nâng cấp.

Khối lượng dữ liệu truyền trên mạng lớn => chiếm dụng đường truyền, thêm gánh nặng cho Database Server.

I.2.2. Mô hình ứng dụng 3 lớp

Mô hình 2 lớp phần nào đáp ứng được các yêu cầu khắc khe của một ứng dụng phân tán, tuy nhiên, khi khối lượng dữ liệu lớn, ứng dụng đòi hỏi nhiều xử lý phức tạp, số người dùng tăng, mô hình 2 lớp không thể đáp ứng được.

Mô hình 3 lớp sử dụng thêm Application Server giữ nhiệm vụ tương tác giữa Client và Database server, giảm bớt các xử lý trên Database server, tập trung các xử lý nhận và hiển thị dữ liệu tại Application server.

Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ASP.NET



**Client
Server**



Appication Server



Database

a. Ưu điểm

Hỗ trợ nhiều người dùng

Giảm bớt xử lý cho Client => Không yêu cầu máy tính ở Client có cấu hình mạnh.

Xử lý nhận và hiển thị dữ liệu tập trung tại Application Server => dễ quản lý, bảo trì và nâng cấp.

Xử lý truy cập dữ liệu tập trung tại Database Server.

b. Nhược điểm

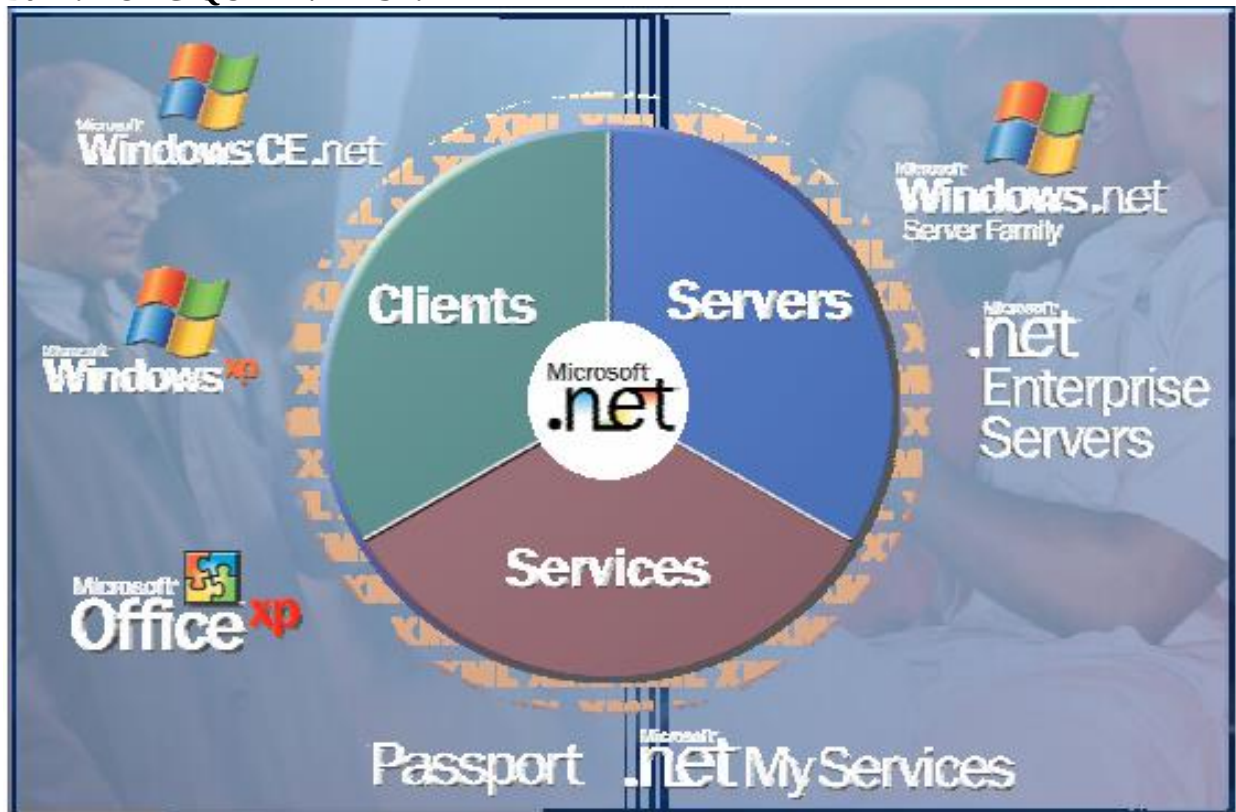
Phải sử dụng thêm một Application Server => Tăng chi phí.

II. Giới thiệu về ASP.Net:

II. 1. Tìm hiểu về .Net Phatform:

.Net Phatform bao gồm .Net Framework và những công cụ được dùng để xây dựng, phát triển ứng dụng và dịch vụ ASP.Net.

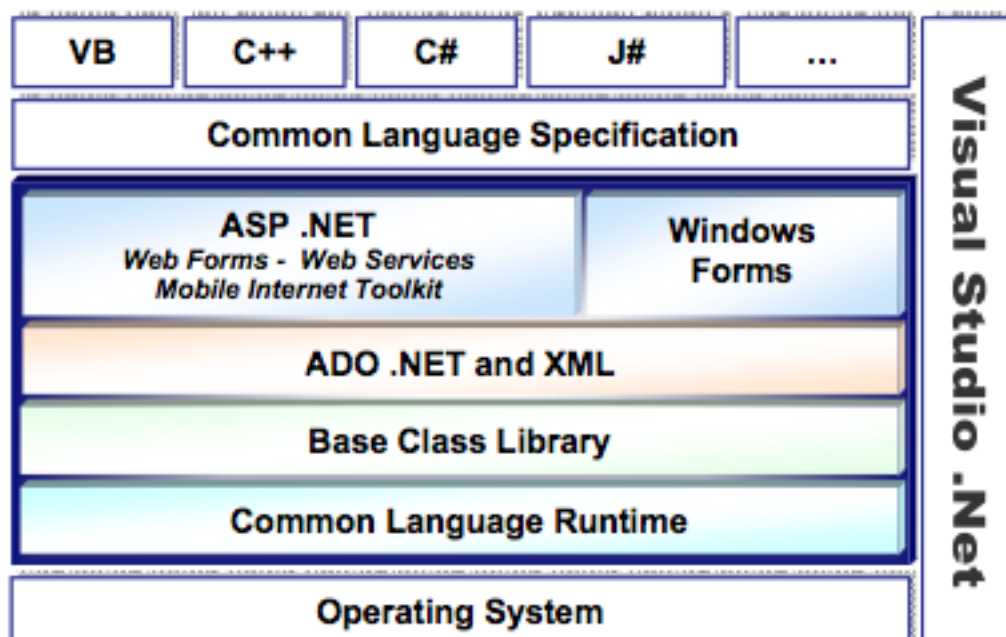
Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ASP.NET



.Net Platform.

Những sản phẩm công nghệ .Net của Microsoft bao gồm: MSN.Net, Office.Net, Visual Studio.Net và Windows Server 2003 được biết đến với tên gọi Windows .Net Server.

II.2 Tìm hiểu về .Net Framework:



Kiến trúc .Net Framework

II.2.1. Hệ điều hành

Cung cấp các chức năng xây dựng ứng dụng

Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ASP.NET

Với vai trò quản lý việc xây dựng và thi hành ứng dụng, .NET Framework cung cấp các lớp đối tượng (Class) để bạn có thể gọi thi hành các chức năng mà đối tượng đó cung cấp. Tuy nhiên, lời kêu gọi của bạn có được "hưởng ứng" hay không còn tùy thuộc vào khả năng của hệ điều hành đang chạy ứng dụng của bạn.

Các chức năng đơn giản như hiển thị một hộp thông báo (MessageBox) sẽ được .NET Framework sử dụng các hàm API của Windows. Chức năng phức tạp hơn như sử dụng các COMponent sẽ yêu cầu Windows phải cài đặt Microsoft Transaction Server (MTS) hay các chức năng trên Web cần Windows phải cài đặt Internet Information Server (IIS).

Như vậy, bạn cần biết rằng lựa chọn một hệ điều hành để cài đặt và sử dụng .NET Framework cũng không kém phần quan trọng. Cài đặt .NET Framework trên các hệ điều hành Windows 2000, 2000 Server, XP, XP.NET, 2003 Server sẽ đơn giản và tiện dụng hơn trong khi lập trình.

II.2.2. Common Language Runtime

Là thành phần "kết nối" giữa các phần khác trong .NET Framework với hệ điều hành. Common Language Runtime (CLR) giữ vai trò quản lý việc thi hành các ứng dụng viết bằng .NET trên Windows. CLR sẽ thông dịch các lời gọi từ chương trình cho Windows thi hành, đảm bảo ứng dụng không chiếm dụng và sử dụng tràn lan tài nguyên của hệ thống. Nó cũng không cho phép các lệnh "nguy hiểm" được thi hành. Các chức năng này được thực thi bởi các thành phần bên trong CLR như Class loader, Just In Time compiler, Garbage collector, Exception handler, COM marshaller, Security engine,...

Trong các phiên bản hệ điều hành Windows mới như XP.NET và Windows 2003, CLR được gắn kèm với hệ điều hành. Điều này đảm bảo ứng dụng viết ra trên máy tính của chúng ta sẽ chạy trên máy tính khác mà không cần cài đặt, các bước thực hiện chỉ đơn giản là một lệnh xcopy của DOS!

II.2.3. Bộ thư viện các lớp đối tượng

Nếu phải giải nghĩa từ "Framework" trong thuật ngữ .NET Framework thì đây là lúc thích hợp nhất. Framework chính là một tập hợp hay thư viện các lớp đối tượng hỗ trợ người lập trình khi xây dựng ứng dụng. Có thể một số người trong chúng ta đã nghe qua về MFC và JFC. Microsoft Foundation Class là bộ thư viện mà lập trình viên Visual C++ sử dụng trong khi Java Foundation Class là bộ thư viện dành cho các lập trình viên Java. Giờ đây, có thể coi .NET Framework là bộ thư viện dành cho các lập trình viên .NET.

Với hơn 5000 lớp đối tượng để gọi thực hiện đủ các loại dịch vụ từ hệ điều hành, chúng ta có thể bắt đầu xây dựng ứng dụng bằng Notepad.exe!!!... Nhiều người lầm tưởng rằng các môi trường phát triển phần mềm như Visual Studio 98 hay Visual Studio.NET là tất cả những gì cần để viết chương trình. Thực ra, chúng là những phần mềm dùng làm "vỏ bọc" bên ngoài. Với chúng, chúng ta sẽ viết được

Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ASP.NET

các đoạn lệnh đủ các màu xanh, đỏ; lỗi cú pháp báo ngay khi đang gõ lệnh; thuộc tính của các đối tượng được đặt ngay trên cửa sổ properties, giao diện được thiết kế theo phong cách trực quan... Như vậy, chúng ta có thể hình dung được tầm quan trọng của .NET Framework. Nếu không có cái cốt lõi .NET Framework, Visual Studio.NET cũng chỉ là cái vỏ bọc! Nhưng nếu không có Visual Studio.NET, công việc của lập trình viên .NET cũng lắm bước gian nan!

a. Base class library – thư viện các lớp cơ sở

Đây là thư viện các lớp cơ bản nhất, được dùng trong khi lập trình hay bản thân những người xây dựng .NET Framework cũng phải dùng nó để xây dựng các lớp cao hơn. Ví dụ các lớp trong thư viện này là String, Integer, Exception,...

b. ADO.NET và XML

Bộ thư viện này gồm các lớp dùng để xử lý dữ liệu. ADO.NET thay thế ADO để trong việc thao tác với các dữ liệu thông thường. Các lớp đối tượng XML được cung cấp để bạn xử lý các dữ liệu theo định dạng mới: XML. Các ví dụ cho bộ thư viện này là SqlDataAdapter, SqlCommand, DataSet, XMLReader, XMLWriter,...

c. ASP.NET

Bộ thư viện các lớp đối tượng dùng trong việc xây dựng các ứng dụng Web. ASP.NET không phải là phiên bản mới của ASP 3.0. Ứng dụng web xây dựng bằng ASP.NET tận dụng được toàn bộ khả năng của .NET Framework. Bên cạnh đó là một "phong cách" lập trình mới mà Microsoft đặt cho nó một tên gọi rất kêu: code behind. Đây là cách mà lập trình viên xây dựng các ứng dụng Windows based thường sử dụng – giao diện và lệnh được tách riêng. Tuy nhiên, nếu bạn đã từng quen với việc lập trình ứng dụng web, đây đúng là một sự "đổi đời" vì bạn đã được giải phóng khỏi mớ lệnh HTML lộn xộn tới hoa cả mắt.

Sự xuất hiện của ASP.NET làm cân xứng giữa quá trình xây dựng ứng dụng trên Windows và Web. ASP.NET cung cấp một bộ các Server Control để lập trình viên bắt sự kiện và xử lý dữ liệu của ứng dụng như đang làm việc với ứng dụng Windows. Nó cũng cho phép chúng ta chuyển một ứng dụng trước đây viết chỉ để chạy trên Windows thành một ứng dụng Web khá dễ dàng. Ví dụ cho các lớp trong thư viện này là WebControl, HTMLControl, ...

d. Web services

Web services có thể hiểu khá sát nghĩa là các dịch vụ được cung cấp qua Web (hay Internet). Dịch vụ được coi là Web service không nhằm vào người dùng mà nhằm vào người xây dựng phần mềm. Web service có thể dùng để cung cấp các dữ liệu hay một chức năng tính toán.

Ví dụ, công ty du lịch của bạn đang sử dụng một hệ thống phần mềm để ghi nhận thông tin về khách du lịch đăng ký đi các tour. Để thực hiện việc đặt phòng khách sạn tại địa điểm du lịch, công ty cần biết thông tin về phòng trống tại các

Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ASP.NET

khách sạn. Khách sạn có thể cung cấp một Web service để cho biết thông tin về các phòng trống tại một thời điểm. Dựa vào đó, phần mềm của bạn sẽ biết rằng liệu có đủ chỗ để đặt phòng cho khách du lịch không? Nếu đủ, phần mềm lại có thể dùng một Web service khác cung cấp chức năng đặt phòng để thuê khách sạn. Điểm lợi của Web service ở đây là bạn không cần một người làm việc liên lạc với khách sạn để hỏi thông tin phòng, sau đó, với đủ các thông tin về nhiều loại phòng người đó sẽ xác định loại phòng nào cần đặt, số lượng đặt bao nhiêu, đủ hay không đủ rồi lại liên lạc lại với khách sạn để đặt phòng. Đừng quên là khách sạn lúc này cũng cần có người để làm việc với nhân viên của bạn và chưa chắc họ có thể liên lạc thành công.

Web service được cung cấp dựa vào ASP.NET và sự hỗ trợ từ phía hệ điều hành của Internet Information Server.

e. Window form

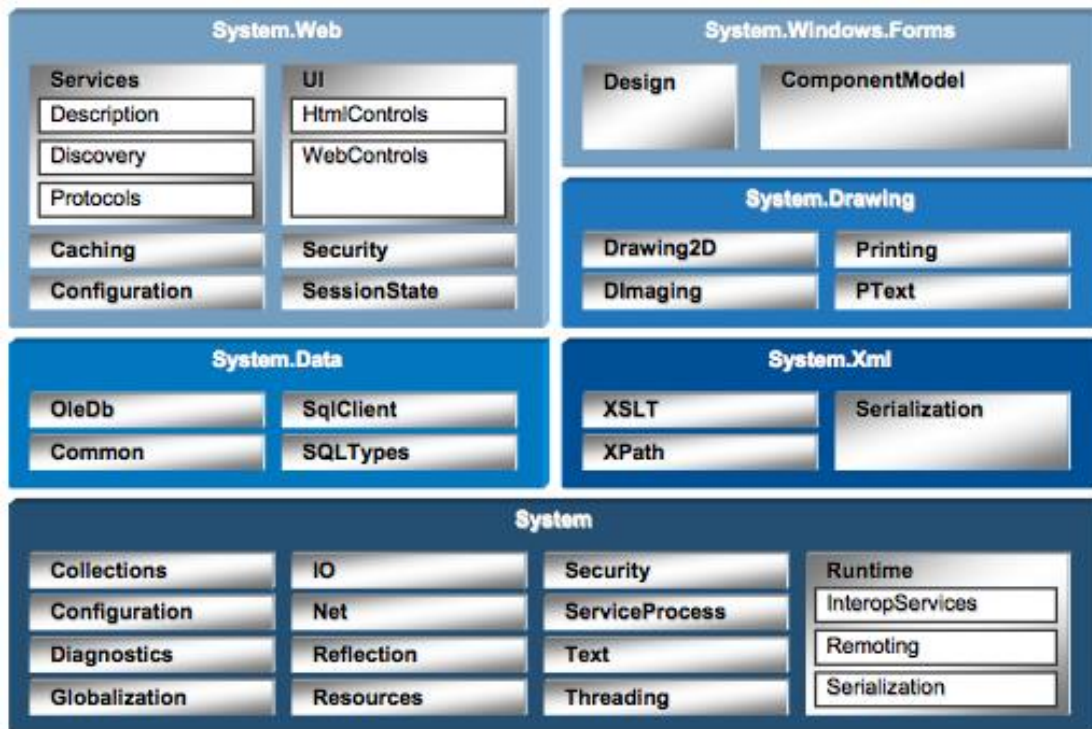
Bộ thư viện về Window form gồm các lớp đối tượng dành cho việc xây dựng các ứng dụng Windows based. Việc xây dựng ứng dụng loại này vẫn được hỗ trợ tốt từ trước tới nay bởi các công cụ và ngôn ngữ lập trình của Microsoft. Giờ đây, ứng dụng chỉ chạy trên Windows sẽ có thể làm việc với ứng dụng Web dựa vào Web service. Ví dụ về các lớp trong thư viện này là: Form, UserControl,...

II.2.4. Phân nhóm các lớp đối tượng theo loại

Một khái niệm không được thể hiện trong hình vẽ trên nhưng cần đề cập đến là Namespace. Đây là tên gọi một nhóm các lớp đối tượng phục vụ cho một mục đích nào đó. Chẳng hạn, các lớp đối tượng xử lý dữ liệu sẽ đặt trong một namespace tên là Data. Các lớp đối tượng dành cho việc vẽ hay hiển thị chữ đặt trong namespace tên là Drawing.

Một namespace có thể là con của một namespace lớn hơn. Namespace lớn nhất trong .NET Framework là System.

Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ASP.NET



Hệ thống tên miền (Namespace)

Lợi điểm của namespace là phân nhóm các lớp đối tượng, giúp người dùng dễ nhận biết và sử dụng. Ngoài ra, namespace tránh việc các lớp đối tượng có tên trùng với nhau không sử dụng được. .NET Framework cho phép chúng ta tạo ra các lớp đối tượng và các namespace của riêng mình. Với hơn 5000 tên có sẵn, việc đặt trùng tên lớp của mình với một lớp đối tượng đã có là điều khó tránh khỏi. Namespace cho phép việc này xảy ra bằng cách sử dụng một tên đầy đủ để nói đến một lớp đối tượng. Ví dụ, nếu muốn dùng lớp WebControls, chúng ta có thể dùng tên tắt của nó là WebControls hay tên đầy đủ là System.Web.UI.WebControls.

Đặc điểm của bộ thư viện các đối tượng .NET Framework là sự trải rộng để hỗ trợ tất cả các ngôn ngữ lập trình .NET như chúng ta thấy ở hình vẽ trên. Điều này sẽ giúp những người mới bắt đầu ít bận tâm hơn trong việc lựa chọn ngôn ngữ lập trình cho mình vì tất cả các ngôn ngữ đều mạnh ngang nhau. Cũng bằng cách sử dụng các lớp đối tượng để xây dựng ứng dụng, .NET Framework buộc người lập trình phải sử dụng kỹ thuật lập trình hướng đối tượng (sẽ được nói tới trong các chương sau).

II.3. Tìm hiểu về ASP.Net

Từ khoảng cuối thập niên 90, ASP (Active Server Page) đã được nhiều lập trình viên lựa chọn để xây dựng và phát triển ứng dụng web động trên máy chủ sử dụng hệ điều hành Windows. ASP đã thể hiện được những ưu điểm của mình với mô hình lập trình thủ tục đơn giản, sử dụng hiệu quả các đối tượng COM: ADO (ActiveX Data Object) - xử lý dữ liệu, FSO (File System Object) - làm việc với hệ thống tập tin..., đồng thời, ASP cũng hỗ trợ nhiều ngôn ngữ: VBScript,

Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ASP.NET

JavaScript. Chính những ưu điểm đó, ASP đã được yêu thích trong một thời gian dài.

Tuy nhiên, ASP vẫn còn tồn đọng một số khó khăn như Code ASP và HTML lẫn lộn, điều này làm cho quá trình viết code khó khăn, thể hiện và trình bày code không trong sáng, hạn chế khả năng sử dụng lại code. Bên cạnh đó, khi triển khai cài đặt, do không được biên dịch trước nên dễ bị mất source code. Thêm vào đó, ASP không có hỗ trợ cache, không được biên dịch trước nên phần nào hạn chế về mặt tốc độ thực hiện. Quá trình xử lý Postback khó khăn, ...

Đầu năm 2002, Microsoft giới thiệu một kỹ thuật lập trình Web khá mới mẻ với tên gọi ban đầu là ASP+, tên chính thức sau này là ASP.Net. Với ASP.Net, không những không cần đòi hỏi bạn phải biết các tag HTML, thiết kế web, mà nó còn hỗ trợ mạnh lập trình hướng đối tượng trong quá trình xây dựng và phát triển ứng dụng Web.

ASP.Net là kỹ thuật lập trình và phát triển ứng dụng web ở phía Server (Server-side) dựa trên nền tảng của Microsoft .Net Framework.

Hầu hết, những người mới đến với lập trình web đều bắt đầu tìm hiểu những kỹ thuật ở phía Client (Client-side) như: HTML, Java Script, CSS (Cascading Style Sheets). Khi Web browser yêu cầu một trang web (trang web sử dụng kỹ thuật client-side), Web server tìm trang web mà Client yêu cầu, sau đó gửi về cho Client. Client nhận kết quả trả về từ Server và hiển thị lên màn hình.

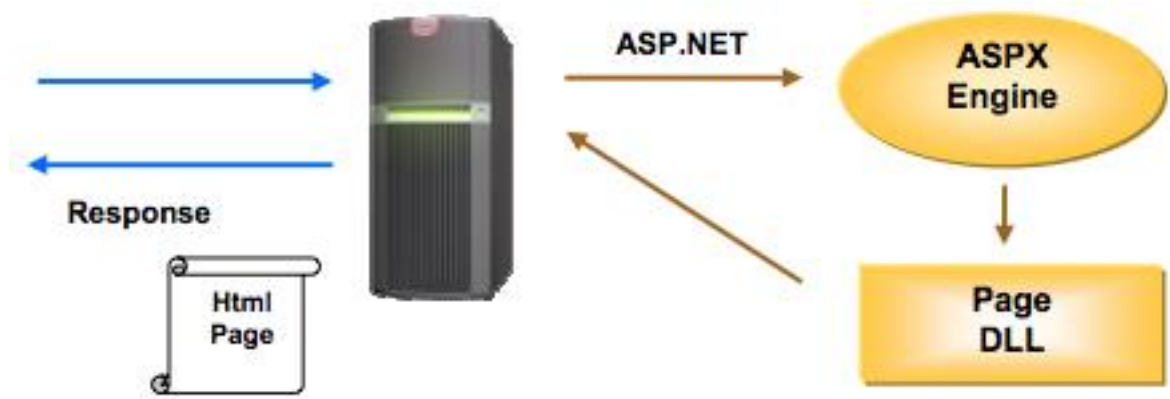
ASP.Net sử dụng kỹ thuật lập trình ở phía server thì hoàn toàn khác, mã lệnh ở phía server (ví dụ: mã lệnh trong trang ASP) sẽ được biên dịch và thi hành tại Web Server. Sau khi được Server đọc, biên dịch và thi hành, kết quả tự động được chuyển sang HTML/JavaScript/CSS và trả về cho Client. Tất cả các xử lý lệnh ASP.Net đều được thực hiện tại Server và do đó, gọi là kỹ thuật lập trình ở phía server.

II.4. Những ưu điểm của ASP.Net

ASP.Net cho phép bạn lựa chọn một trong các ngôn ngữ lập trình mà bạn yêu thích: Visual Basic.Net, J#, C#,...

Trang ASP.Net được biên dịch trước. Thay vì phải đọc và thông dịch mỗi khi trang web được yêu cầu, ASP.Net biên dịch những trang web động thành những tập tin DLL mà Server có thể thi hành nhanh chóng và hiệu quả. Yếu tố này là một bước nhảy vọt đáng kể so với kỹ thuật thông dịch của ASP.

Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ASP.NET



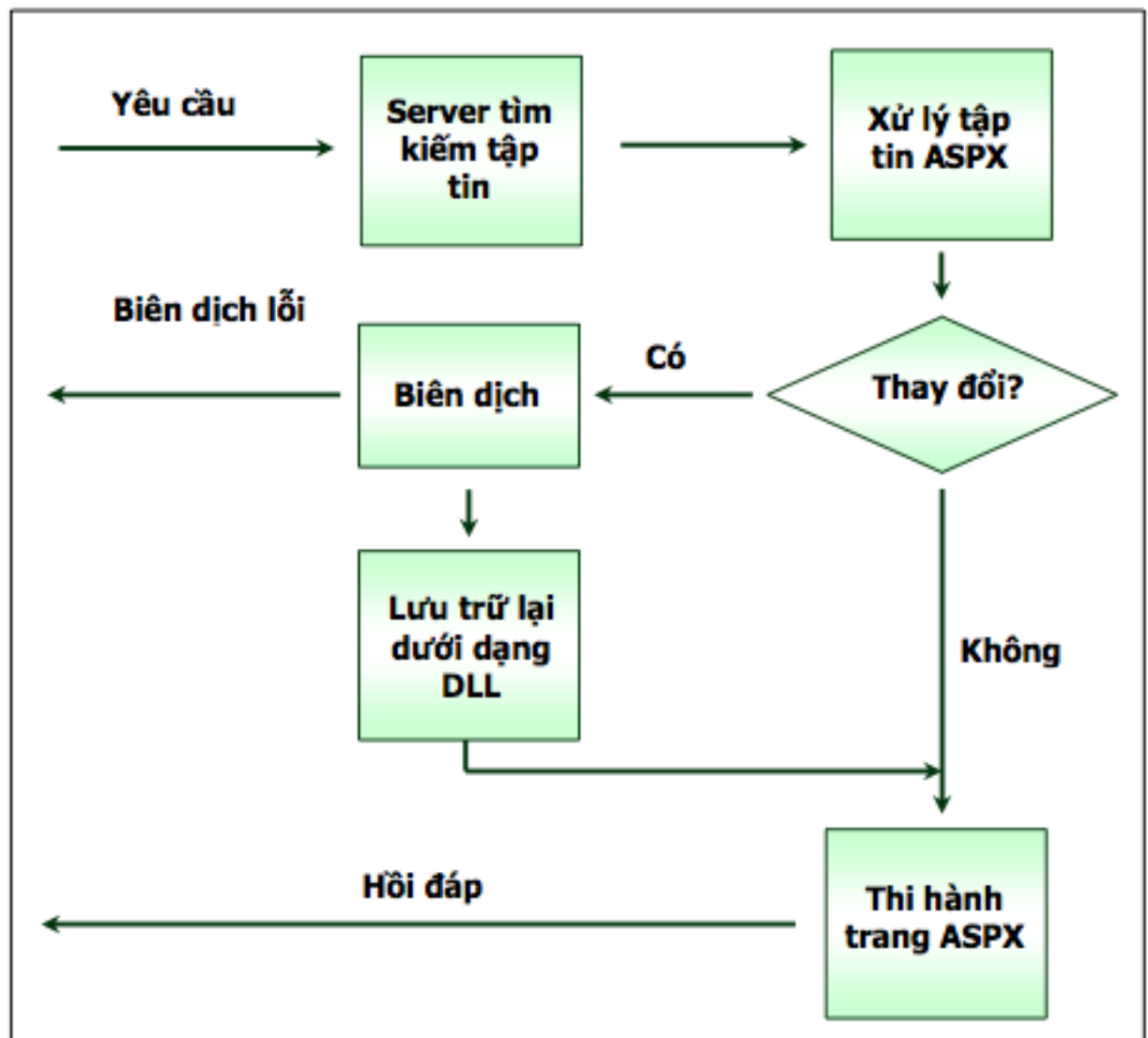
ASP.Net hỗ trợ mạnh mẽ bộ thư viện phong phú và đa dạng của .Net Framework, làm việc với XML, Web Service, truy cập cơ sở dữ liệu qua ADO.Net, ...

- ASPX và ASP có thể cùng hoạt động trong 1 ứng dụng.
- ASP.Net sử dụng phong cách lập trình mới: Code behide. Tách code riêng, giao diện riêng => Dễ đọc, dễ quản lý và bảo trì.
- Kiến trúc lập trình giống ứng dụng trên Windows.
- Hỗ trợ quản lý trạng thái của các control.
- Tự động phát sinh mã HTML cho các Server control tương ứng với từng loại Browser.
- Hỗ trợ nhiều cơ chế cache.
- Triển khai cài đặt.
 - Không cần lock, không cần đăng ký DLL.
 - Cho phép nhiều hình thức cấu hình ứng dụng
- Hỗ trợ quản lý ứng dụng ở mức toàn cục
 - Global.aspx có nhiều sự kiện hơn
 - Quản lý session trên nhiều Server, không cần Cookies

II.5. Quá trình xử lý tập tin ASPX

Khi Web server nhận được yêu cầu từ phía client, nó sẽ tìm kiếm tập tin được yêu cầu thông qua chuỗi URL được gửi về, sau đó, tiến hành xử lý theo sơ đồ sau:

Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ASP.NET



Quá trình xử lý tập tin ASPX

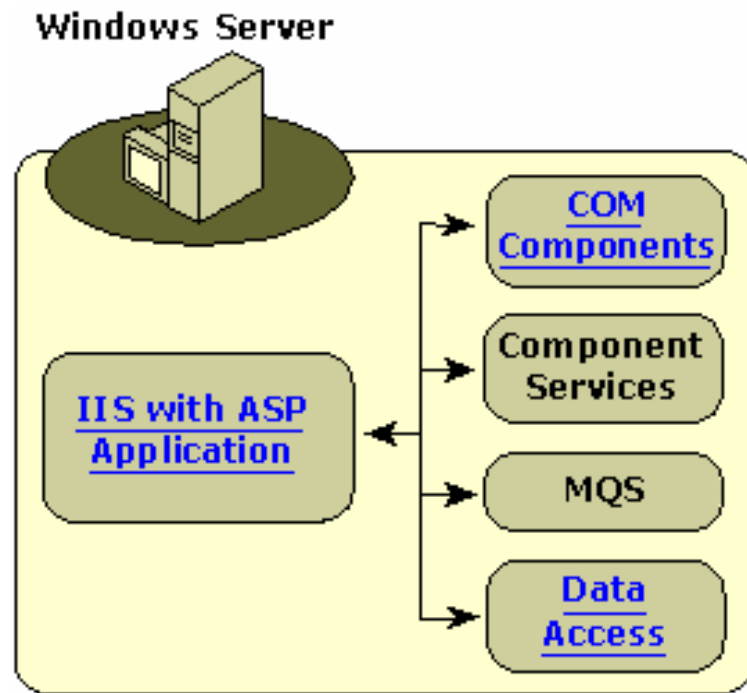
III. Web Server

Trong phần này chúng tôi giới thiệu cho bạn về IIS (phần mềm Web Server của Microsoft dành cho Windows), đồng thời hướng dẫn bạn cài đặt, cấu hình và kiểm tra Web Server trên các hệ thống sử dụng Windows XP, Windows 2000, Windows Server 2003.

III.1. Internet Information Services

IIS có thể được sử dụng như một Web server, kết hợp với ASP để xây dựng các ứng dụng Web tận dụng các điểm mạnh của Server-side Script, COM component,... theo mô hình Client/Server.

Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ASP.NET



IIS có rất nhiều phiên bản, đầu tiên được phát hành rồi trong bản Service pack của WinNT.

- Các phiên bản Windows 2000 đã có tích hợp IIS 5.0.
- Windows XP tích hợp IIS 5.5
- Windows XP .NET Server tích hợp IIS 6 hỗ trợ các tính năng dành cho .NET của ASP.NET và Web Service.

III.2. Cài đặt Web Server

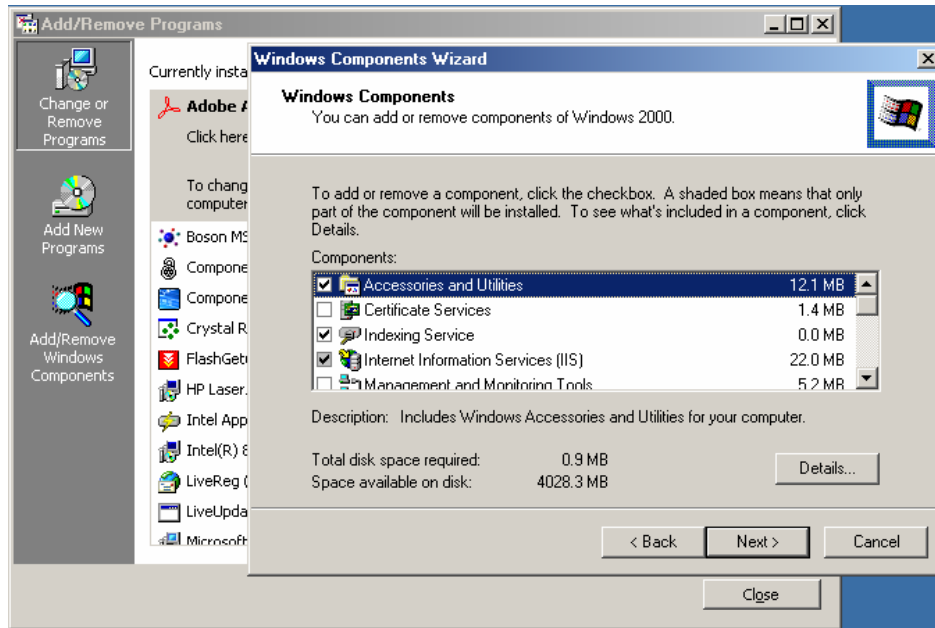
III.2.1. Cài đặt Web Server trên Windows 2000/Windows XP Professional

Windows 2000 tích hợp sẵn IIS nhưng không tự động cài đặt do đó, bạn phải tự cài IIS nếu hệ thống đã được cài rồi.

Bước 1. Chọn Control Panel | Add/Remove programs.

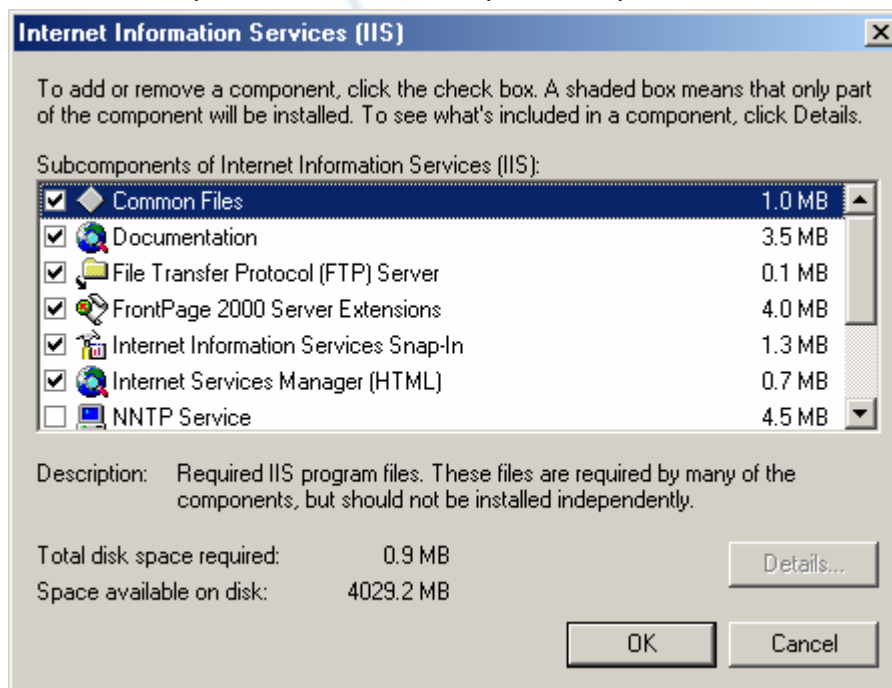
Bước 2. Add/Remove Windows Components.

Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ASP.NET



Bước 3. Đánh dấu vào mục Internet Information Services (IIS).

Bước 4. Chọn nút Details để chọn các mục chi tiết.



Bước 5. Chọn các mục cần cài đặt trong đó bạn nhớ chọn:

- FrontPage 2000 Server Extensions
- Internet Information Services Snap-In
- Internet Services Manager (HTML)

Bước 6. Click OK để hệ thống tự cài đặt.

Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ASP.NET

III.2.2. Cài đặt Web Server trên Windows Server 2003

Cài đặt Web Server trên Windows Server 2003 cũng tương tự như cài đặt Web Server trên Windows 2000.

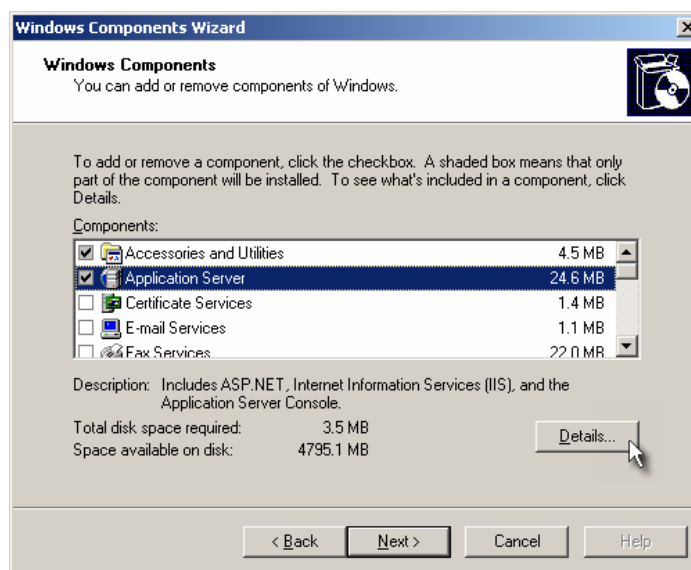
Bước 1. Chọn Control Panel | Add/Remove programs.

Bước 2. Add/Remove Windows Components.

Bước 3. Đánh dấu vào Application Server.

Bước 4. Chọn nút Details để chọn các mục chi tiết.

Các bước còn lại thực hiện như trên Windows 2000 (từ bước 3 đến bước 6)



Cài đặt IIS trên Windows Server 2003

III.2.3. Kiểm tra kết quả cài đặt Web Server

Sau khi đã cài đặt IIS, bạn có thể kiểm tra xem Web Server đã làm việc hay chưa. Mở web browser (Internet Explorer) và gõ: //localhost trong phần địa chỉ. Một khi Web server đã được cài đặt, một trang web mẫu sẽ được hiển thị.

Localhost là địa chỉ của máy cục bộ mà bạn đang làm việc. Nếu máy của bạn đang kết nối vào mạng LAN và có một địa chỉ IP, bạn có thể dùng địa chỉ này thay cho localhost.

Để xác định địa chỉ IP của máy mình:

- Vào menu Start|Run và gõ lệnh: command hoặc cmd
- Trên màn hình DOS, gõ lệnh: ipconfig và xem phần IP Address

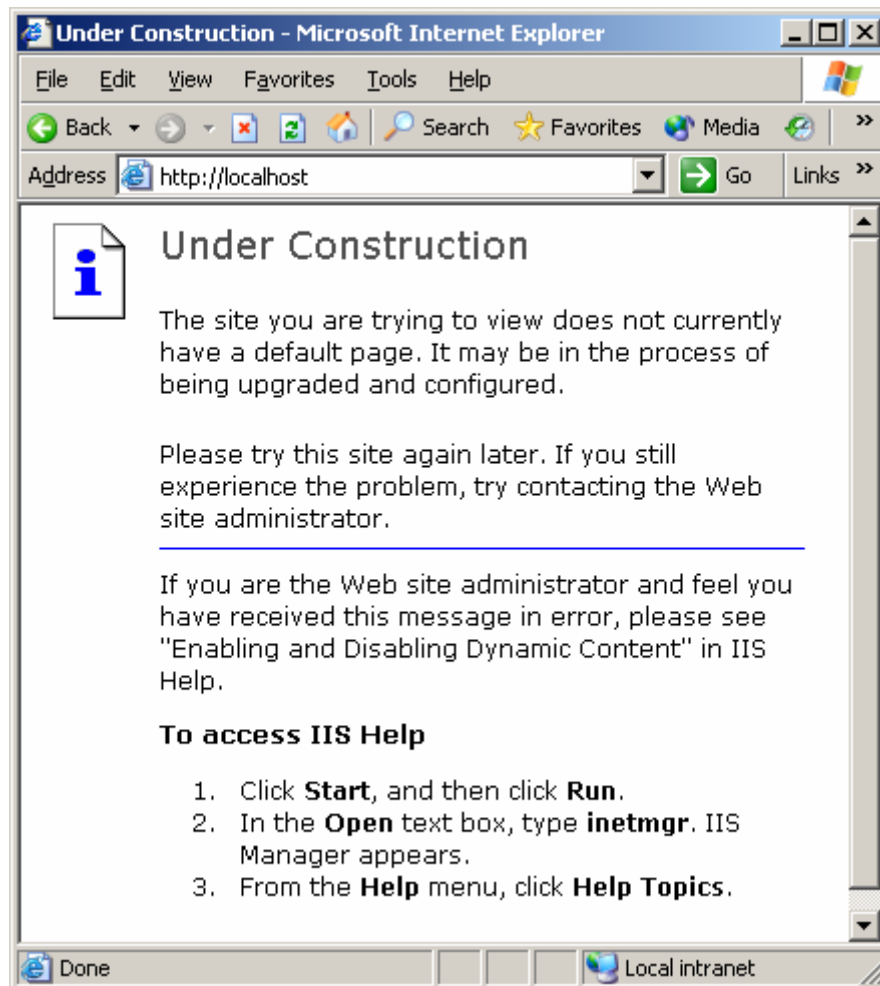
Khi gõ //localhost, bạn sẽ thấy trong thanh địa chỉ tự động đổi thành: http://localhost. HTTP là giao thức mặc định được dùng trên Internet. Vì HTTP là một giao thức thuộc bộ TCP/IP, bạn cần có địa chỉ IP để các máy tính khác trong mạng có thể truy cập được đến trang web của bạn.

Sau khi cài đặt Web Server, mặc định trên ổ đĩa C:\ sẽ có sẵn thư mục

Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ASP.NET

C:\inetpub\wwwroot. Đây là thư mục mà Web Server mặc định ánh xạ vào //localhost, do đó, các trang web đặt trong wwwroot có thể được truy cập bởi các máy tính khác.

Để kiểm tra, hãy tạo một trang web và đặt vào c:\inetpub\wwwroot. Trên IE, gõ địa chỉ: /localhost/<tên file html>



Kiểm tra thành công Web Server trên Windows Server 2003

III.3. Cấu hình Internet Information Services

Để cấu hình IIS, vào Control Panel| Administrative Tools|Internet Services Manager.

Trên các hệ điều hành Windows 2000/XP, Microsoft sử dụng công cụ Microsoft Management Console (MMC) để làm công cụ quản lý, do đó tất cả các thao tác đều sử dụng menu ngữ cảnh bằng cách nhấp chuột phải trên mục muốn chọn. Chọn Properties của mục Default Web Site, bạn có thể xem và cấu hình lại các thông tin dành cho trang web mặc định của mình.